

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống kháng thuốc giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 tại tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 25/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về phòng, chống kháng thuốc tại Việt Nam giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2045; UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống kháng thuốc giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược (ban hành tại Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 25/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe con người và động vật, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

2. Xác định mục tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu để thực hiện Kế hoạch triển khai Chiến lược đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Xác định rõ trách nhiệm đầu mối, phối hợp của các cấp, các ngành trong từng hoạt động cụ thể để hiện thực các mục tiêu của Chiến lược.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Làm chậm sự tiến triển kháng thuốc và ngăn chặn, kiểm soát sự lây lan của các vi sinh vật kháng thuốc, bệnh truyền nhiễm; đồng thời, đảm bảo sự sẵn có, liên tục các thuốc kháng vi sinh vật và sử dụng thuốc kháng vi sinh vật hợp lý để điều trị hiệu quả các bệnh truyền nhiễm ở người và động vật, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe con người và động vật, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền địa phương và hiểu biết của nhân viên y tế, nhân viên thú y và người dân về phòng, chống kháng thuốc.

Tỷ lệ hiểu biết đúng về phòng, chống kháng thuốc ở người trưởng thành, bà mẹ, đạt ít nhất là 50% vào năm 2025 và đạt 60% vào năm 2030 và ở nhân viên y tế, nhân viên thú y đạt ít nhất là 60% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

b) Tham gia hệ thống giám sát kháng thuốc để cảnh báo kịp thời về sự

xuất hiện, lan truyền, mức độ và xu hướng kháng thuốc của các vi sinh vật:

- Có ít nhất 01 bệnh viện tham gia hệ thống giám sát quốc gia về kháng thuốc ở người vào năm 2025 và ít nhất 02 bệnh viện tham gia vào năm 2030.

- Ít nhất 90% cán bộ tham gia trong hệ thống giám sát quốc gia về kháng thuốc trong lĩnh vực y tế được tập huấn chuyên môn về kỹ thuật nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ và sử dụng, quản lý dữ liệu giám sát kháng thuốc.

c) Giảm sự lan truyền của vi sinh vật và bệnh truyền nhiễm.

- Tỷ lệ các bệnh viện thiết lập chỉ tiêu và triển khai kế hoạch kiểm soát mức độ kháng thuốc của các vi khuẩn gây bệnh thường gặp trong bệnh viện; đánh giá tuân thủ thực hành tốt về phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn sinh học: Tại tuyến tỉnh đạt ít nhất 40% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030; tuyến huyện đạt ít nhất 20% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.

- Tỷ lệ các bệnh viện thực hiện kỹ thuật vi sinh để chẩn đoán, điều trị và giám sát kháng thuốc: Tại tuyến tỉnh đạt ít nhất 50% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030; tại tuyến huyện đạt ít nhất 15% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.

- Tỷ lệ các bệnh viện thực hiện việc triển khai giám sát chủ động nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế và triển khai các can thiệp làm giảm tỷ lệ nhiễm khuẩn này trong bệnh viện: Phấn đấu tuyến tỉnh đạt ít nhất 50% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030; tuyến huyện đạt ít nhất 20% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.

d) Sử dụng thuốc kháng vi sinh vật ở người và động vật hợp lý, an toàn và có trách nhiệm.

- Tỷ lệ các bệnh viện từ tuyến huyện trở lên triển khai chương trình quản lý sử dụng kháng sinh đạt ít nhất 30% vào năm 2025 và 50% vào năm 2030.

- Tỷ lệ các cơ sở khám, chữa bệnh cho động vật tuân thủ hướng dẫn sử dụng kháng sinh của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y đạt ít nhất 10% vào năm 2025 và 20% vào năm 2030.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045 kiểm soát cơ bản tình trạng kháng thuốc, giám sát sử dụng, tiêu thụ kháng sinh có hiệu quả, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe con người và động vật, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về phối hợp hành động và đáp ứng liên ngành để phòng, chống kháng thuốc

a) Xây dựng và duy trì hiệu quả cơ chế phối hợp liên ngành và chia sẻ thông tin về sự đề kháng, sử dụng và tiêu thụ thuốc kháng vi sinh vật giữa các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan từ tỉnh đến địa phương.

b) Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động trên địa bàn tỉnh cho từng

lĩnh vực Y tế, Nông nghiệp, Môi trường, Công thương để giải quyết các nguyên nhân dẫn đến tình trạng kháng thuốc trong các lĩnh vực tương ứng.

c) Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chủ động triển khai phòng, chống kháng thuốc trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch, lồng ghép vào các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và ưu tiên phân bổ kinh phí hằng năm để thực hiện.

d) Triển khai bộ chỉ số đánh giá và theo dõi việc triển khai Chiến lược quốc gia về phòng, chống kháng thuốc đối với lĩnh vực Y tế, Nông nghiệp, Công thương và Môi trường theo hướng dẫn của bộ, ngành trung ương.

2. Về chính sách, pháp luật, quy định chuyên môn

a) Hướng dẫn chuyên môn về phòng ngừa bệnh truyền nhiễm, kiểm soát nhiễm khuẩn, chẩn đoán và điều trị, sử dụng thuốc kháng vi sinh vật, an toàn sinh học trong y tế, nông nghiệp.

b) Hướng dẫn chuyên môn về thực hành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; sản xuất, chế biến thực phẩm; quản lý, xử lý chất thải của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cơ sở chế biến thực phẩm để kiểm soát dư lượng kháng sinh và các vi sinh vật kháng thuốc.

c) Quản lý và xử lý nếu sử dụng hoặc bán thuốc kháng vi sinh vật không có đơn thuốc; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê đơn kháng sinh sai mục đích hoặc lạm dụng kháng sinh trong điều trị người bệnh, không tuân thủ hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế.

3. Về thông tin, truyền thông và vận động xã hội

a) Xây dựng các chương trình, kế hoạch truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về các nguyên nhân gây kháng thuốc, hậu quả của kháng thuốc và các biện pháp phòng, chống kháng thuốc; duy trì cam kết của cá nhân và xã hội đối với thay đổi hành vi để sử dụng thuốc kháng vi sinh vật có trách nhiệm, ngừng lạm dụng và sử dụng thuốc kháng vi sinh vật sai mục đích; thúc đẩy các hành vi lành mạnh để ngăn ngừa nhiễm trùng và sự lây lan của chúng, trong đó chú trọng đối tượng là nhân viên y tế, thú y, người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, bà mẹ, phụ nữ, học sinh, sinh viên.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể, nhân viên y tế, thú y và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về phòng, chống kháng thuốc thông qua mạng lưới thông tin truyền thông từ cấp tỉnh tới cấp xã.

c) Nghiên cứu, xây dựng và cung cấp các chương trình, tài liệu truyền thông về kháng thuốc phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng, trong đó chú trọng xây dựng các thông điệp chủ chốt, thông điệp mới về kháng thuốc để tác động mạnh mẽ tới xã hội.

4. Giải pháp để tăng cường hệ thống giám sát kháng thuốc, sử dụng và tiêu thụ thuốc kháng vi sinh vật ở người, động vật, môi trường và thương mại

a) Tích cực tham gia hệ thống giám sát kháng thuốc ở người; giám sát sử dụng và tiêu thụ thuốc kháng vi sinh vật để làm bằng chứng xây dựng, điều chỉnh hướng dẫn và các hoạt động can thiệp.

b) Rà soát, cập nhật các hướng dẫn chuyên môn về phòng ngừa, chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm, sử dụng kháng sinh hợp lý, an toàn; sử dụng thuốc kháng vi sinh vật lựa chọn ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe con người; kiểm soát nhiễm khuẩn, giám sát sự đề kháng, sử dụng và tiêu thụ thuốc kháng vi sinh vật.

c) Tham gia thiết lập và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về kháng thuốc, sử dụng và tiêu thụ thuốc kháng sinh của vi sinh vật ở người, động vật và môi trường.

d) Áp dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn quốc gia liên quan đến giám sát kháng thuốc và thống nhất thực hiện trong lĩnh vực y tế và thú y.

đ) Phát triển công tác dược lâm sàng, triển khai chương trình quản lý sử dụng kháng sinh, quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn.

e) Thực hiện giám sát bán thuốc kháng sinh theo đơn tại các cơ sở bán lẻ thuốc.

5. Giải pháp về nhân lực

a) Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực về hồi sức tích cực, truyền nhiễm, vi sinh, dược lâm sàng, kiểm soát nhiễm khuẩn, thú y.

b) Rà soát, bổ sung, cập nhật nội dung về phòng, chống kháng thuốc trong các chương trình giảng dạy, đào tạo của khối các trường đào tạo về sức khỏe ở người và động vật.

c) Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực cho bác sỹ vi sinh, dược sỹ, điều dưỡng, kiểm soát nhiễm khuẩn, nhân viên thú y và các nhân viên liên quan về phòng ngừa, chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm, sử dụng kháng sinh hợp lý, an toàn; sử dụng thuốc kháng vi sinh vật lựa chọn ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe con người; giám sát sự đề kháng, sử dụng và tiêu thụ thuốc kháng vi sinh vật.

6. Giải pháp về tài chính

Nguồn kinh phí thực hiện bao gồm nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo; có cơ chế phù hợp thu hút các nguồn lực của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức quốc tế.

7. Giải pháp về nghiên cứu khoa học

a) Nâng cao năng lực nghiên cứu về đánh giá sử dụng thuốc, kháng thuốc, đặc biệt là nghiên cứu về vi khuẩn đa kháng thuốc, triển khai các can thiệp thúc đẩy sử dụng kháng sinh hợp lý.

b) Tiếp tục ưu tiên và hỗ trợ nghiên cứu khoa học về các bệnh truyền nhiễm ở người, động vật, thủy sản, đồng thời thúc đẩy các mối quan hệ giữa đối tác với các cơ sở nghiên cứu, bệnh viện, trường đại học.

c) Khuyến khích, củng cố và tạo các mối quan hệ với các đối tác hỗ trợ phát triển các nghiên cứu về phát triển thuốc kháng vi sinh vật, chất kháng khuẩn có nguồn gốc từ dược liệu truyền thống và các phương pháp chẩn đoán mới.

d) Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao các kỹ thuật mới trong chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm, xét nghiệm vi sinh, quản lý chất lượng xét nghiệm vi sinh tại các bệnh viện, cơ sở y tế dự phòng, cơ sở xét nghiệm và điều trị bệnh động vật, thủy sản.

đ) Triển khai khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện vào năm 2030 làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược.

8. Giải pháp về tăng cường hợp tác

a) Tăng cường hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan để hỗ trợ, thúc đẩy triển khai chiến lược.

b) Tham gia và duy trì hệ thống báo cáo thuộc Chiến lược. Tăng cường hợp tác với các đơn vị liên quan nghiên cứu đánh giá việc sử dụng kháng sinh, kháng vi rút và kháng ký sinh trùng; nghiên cứu về kháng thuốc, đặc biệt là nghiên cứu về vi khuẩn đa kháng thuốc.

c) Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, tham gia các hội thảo, hội nghị, diễn đàn khoa học về phòng, chống bệnh truyền nhiễm, sử dụng thuốc hợp lý điều trị bệnh cho người và động vật, chống nhiễm khuẩn bệnh viện, kiểm tra chất lượng xét nghiệm vi sinh, kháng thuốc.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn huy động hợp pháp khác, đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng các kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án về nâng cao nhận thức của cộng đồng, tăng cường Hệ thống giám sát quốc gia về sử dụng kháng thuốc, sử dụng và tiêu thụ thuốc kháng vi sinh vật, tăng cường quản lý sử dụng kháng sinh trong y tế giai đoạn 2024-2030 trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện, tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo kịp thời các khó khăn, vướng mắc

(nếu có) và đề xuất các giải pháp về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế và các cơ quan có thẩm quyền.

d) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương.

đ) Có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về kháng thuốc, sử dụng và tiêu thụ kháng vi sinh vật, tăng cường quản lý sử dụng kháng sinh trong các cơ sở khám, chữa bệnh, quy định về bán thuốc theo đơn tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình gắn với tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 3609/QĐ-BNN-TY ngày 23/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống kháng kháng sinh trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

b) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án về nâng cao nhận thức của cộng đồng, tăng cường hệ thống giám sát quốc gia về sử dụng kháng thuốc, sử dụng và tiêu thụ thuốc kháng vi sinh vật, tăng cường quản lý sử dụng kháng sinh trong thú y giai đoạn 2024-2030 trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tốt các nội dung của Kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án giám sát kháng thuốc trong môi trường giai đoạn 2024-2030 trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Sở Tài chính

Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm đảm bảo từ Ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành trong khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, hướng dẫn chỉ đạo việc thông tin, tuyên truyền nội dung Kế hoạch trên hệ thống thông tin cơ sở và các phương tiện thông tin đại chúng khác trên địa bàn tỉnh.

b) Đề nghị các cơ quan báo chí địa phương và Văn phòng đại diện, phóng viên thường trú các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh thông tin, tuyên truyền các hoạt động triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống kháng thuốc tại tỉnh Đắk Lắk giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

6. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan

Tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, đảm bảo phù hợp với điều kiện, ưu thế của từng địa phương; phối hợp triển khai các đề án trọng điểm của chiến lược trên địa bàn.

b) Chủ động bố trí kinh phí và huy động các nguồn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra theo Kế hoạch đảm bảo theo đúng quy định phân cấp ngân sách hiện hành.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tuyên truyền, vận động người dân có trách nhiệm tham gia phòng, chống kháng thuốc, sử dụng các thuốc kháng vi sinh vật hợp lý theo đúng quy định chuyên môn, tổ chức phản biện chính sách và giám sát hoạt động phòng, chống kháng thuốc.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, yêu cầu các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; đánh giá, báo cáo kết quả về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- TTTU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan báo đài của tỉnh;
- Các phòng: TH, NNMT, TTCN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn